

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã
đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển
và hải đảo xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững,
giai đoạn 2018-2020**

Thực hiện Công văn số 1873/BNV-VPĐP ngày 13/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản của các xã đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh Quảng Nam báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Quảng Nam là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nằm ở vị trí trung độ của cả nước, vừa có vùng đồng bằng, ven biển và vùng trung du, miền núi, với 18 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 9 huyện miền núi, với 6 huyện miền núi cao. Toàn tỉnh có 70 xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Trong phạm vi Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới (NTM) gắn với giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây viết tắt là Đề án*), tỉnh Quảng Nam có 8 xã, với 40 thôn triển khai thực hiện Đề án, gồm: xã Tam Hải (07 thôn), huyện Núi Thành; xã Bình Nam (06 thôn), huyện Thăng Bình; xã Trhy (06 thôn), xã Chơm (07 thôn) huyện Tây Giang; xã Chơ Chun (03 thôn), xã La Êê (03 thôn), xã Đắc Pre (04 thôn), xã Đắc Pring (04 thôn) huyện Nam Giang.

Ngoài ra, tỉnh Quảng Nam đã chọn 62 thôn ở 62 xã đặc biệt khó khăn ngoài phạm vi Đề án (*mỗi xã 01 thôn*) để hỗ trợ nguồn lực và triển khai thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2018-2020

1. Kết quả công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án

a) Vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Đề án thôn khó khăn

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án và Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo triển khai thực hiện, UBND tỉnh Quảng Nam đã bổ sung nhiệm vụ cho Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh (*Văn phòng Điều phối NTM tỉnh*) tham mưu triển khai thực hiện; đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện

liên quan triển khai thực hiện Đề án; trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị cùng tham gia thực hiện Đề án xây dựng thôn đạt chuẩn NTM.

Chỉ đạo UBND các huyện đề xuất Huyện ủy bổ sung mục tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện Đề án vào nghị quyết, ban hành chương trình hành động, kế hoạch của cấp ủy để chỉ đạo triển khai thực hiện; tham mưu trình HĐND cấp huyện bố trí thêm kinh phí từ ngân sách huyện để thực hiện xây dựng thôn đạt chuẩn NTM ngoài kinh phí ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ; chỉ đạo UBND các xã tiếp tục thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý cấp xã, Ban Phát triển thôn, bố trí cán bộ chuyên trách NTM theo đúng chỉ đạo và thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động để triển khai hiệu quả Đề án trên địa bàn, trong đó đã phát huy vai trò của Phó Bí thư Đảng ủy xã do cán bộ Bộ đội Biên phòng tăng cường ở những xã biên giới.

b) Kết quả ban hành kế hoạch triển khai và văn bản cụ thể hóa các tiêu chí nông thôn mới cấp thôn, bản để hướng dẫn thực hiện Đề án

Để triển khai thực hiện Đề án, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Tiêu chí “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới” (*tại Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 27/12/2018*); Kế hoạch triển khai thực hiện (*tại Kế hoạch số 7627/KH-UBND ngày 28/12/2018*); ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh (*tại Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 19/7/2019*) và Thông báo số 339/TB-UBND ngày 16/10/2019 Danh sách các thôn phấn đấu “Thôn đạt chuẩn NTM” ngoài phạm vi Đề án thôn khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020; đồng thời, bố trí ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh để các địa phương triển khai thực hiện.

Ngoài ra, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã ban hành Công văn số 119/VPĐPNTM-KHNV ngày 27/12/2018 về việc hướng dẫn thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020; trong đó, đã hướng dẫn rõ 10 bước trong việc triển khai thực hiện Đề án; đồng thời đã tổ chức tập huấn cho cán bộ huyện, xã, thôn của 08 xã nằm trong phạm vi Đề án và 62 xã ngoài phạm vi Đề án để tổ chức triển khai thực hiện (*tại buổi tập huấn đã mời báo cáo viên của Trung tâm Tư vấn chính sách nông nghiệp, thuộc Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn về báo cáo*).

c) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm hỗ trợ các thôn bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện Đề án

Để góp phần xây dựng NTM nói chung và thực hiện Đề án thôn khó khăn nói riêng, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều cơ chế đặc thù để áp dụng trên địa bàn tỉnh, trong đó có áp dụng cho các xã, thôn thuộc phạm vi Đề án như: Cơ chế Bảo tồn và phát triển Quế Trà My; cơ chế hỗ trợ khuyến khích bảo tồn và phát triển cây dược liệu; cơ chế khuyến khích, bảo tồn phát triển sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2025; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu

quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Đề án chương trình “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; quy định nội dung hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020; chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh,... Nhờ các cơ chế này đã góp phần rất lớn vào việc đạt các nhóm tiêu chí kinh tế hộ và mô hình/dự án sản xuất, kinh doanh trong tiêu chí thôn NTM.

Ngoài ra, tỉnh Quảng Nam đã ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội miền núi tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 và Nghị quyết 31/2018/NQ-HĐND ngày 28/9/2018 của HĐND tỉnh, hằng năm bố trí ngân sách trên 100 tỷ đồng để thực hiện, trong đó tập trung những nội dung hỗ trợ như: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, san lấp mặt bằng, di chuyển nhà, hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, đường giao thông,... đã góp phần rất lớn thực hiện tiêu chí cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các thôn thuộc các xã khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, góp phần nâng cao bình quân số tiêu chí NTM đạt chuẩn ở miền núi; hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ các huyện miền núi cao xây dựng NTM, dự kiến trình HĐND tỉnh trong tháng 6/2020 để có cơ sở hỗ trợ thêm nguồn lực cho vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững.

Có thể khẳng định hệ thống văn bản về cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành ở miền núi cơ bản đầy đủ, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện Đề án thôn khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân nông thôn, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, người dân, sự tham gia của các đoàn thể chính trị, xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn

Cùng với Chương trình NTM, công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân trong triển khai thực hiện Đề án cũng được quan tâm thực hiện, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, như: Tuyên truyền trên các báo, đài, Cổng Thông tin điện tử NTM tỉnh (<http://nongthonmoi.net>); UBND tỉnh cũng đã phát động và tổ chức cuộc thi “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” và cuộc thi “Vườn - Trường - Đường đẹp” ở nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh; ngoài ra, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã in 1.000 đĩa CD tuyên truyền, gần 1.000 cuốn Sổ tay hướng dẫn thực hiện và đánh giá, xét công nhận thôn đạt chuẩn NTM, 8.000 tờ gấp “Thôn đạt chuẩn NTM” cấp phát cho các xã, thôn. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý xã đã phối hợp với Ban Phát triển thôn và các tổ chức Hội, đoàn thể ở xã, thôn tổ chức tuyên truyền, hội nghị giải thích từng tiêu chí cho người dân hiểu để cùng tham gia, những nhiệm

vụ nào người dân phải làm, những nhiệm vụ nào Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn phải làm, những nhiệm vụ nào Hội, đoàn thể xã, thôn phải thực hiện, những nhiệm vụ nào kiến nghị cấp trên hỗ trợ; trong quá trình này, Ban Quản lý xã đã soạn mẫu bản cam kết của hộ gia đình tham gia thực hiện tiêu chí thôn đạt chuẩn NTM để người dân thảo luận và thống nhất ký vào bản cam kết.

Ngoài ra, các huyện đã tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ xã, thành viên Ban Phát triển thôn, Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn và người có uy tín trong cộng đồng để có thể triển khai các nội dung của Đề án và kỹ năng phát triển cộng đồng. Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp đẩy mạnh quán triệt tầm quan trọng và ý nghĩa của Đề án, đưa mục tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện Đề án vào nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp để chỉ đạo triển khai thực hiện.

Nhờ làm tốt công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động nên đã huy động được cả hệ thống chính trị và cộng đồng vào cuộc tham gia, từ đó xuất hiện nhiều mô hình và cách làm hay, như: Mô hình sạch nhà, đẹp bản, đan lát, trồng hoa thay cỏ dại, trồng hoa xóa tụ điểm rác thải, phụ nữ cùng giúp nhau thoát nghèo bền vững.

đ) Kết quả kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Đề án của các địa phương

Hàng năm, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh (*Ban Chỉ đạo tỉnh*) thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình NTM tại các địa phương, trong đó kết hợp kiểm tra thực hiện Đề án. Ngoài ra, trong năm 2019, Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 25/4/2019 để kiểm tra chuyên đề về kết quả thực hiện tại các thôn thuộc phạm vi Đề án. Năm 2020 dự kiến sẽ tổ chức đợt kiểm tra kết quả thực hiện Đề án trong quý II/2020. Thông qua các đợt kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện Chương trình NTM nói chung, thực hiện Đề án thôn khó khăn nói riêng tại các địa phương, qua đó kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các địa phương để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Đến nay, các địa phương đang tập trung thực hiện Đề án theo đúng Kế hoạch đã được phê duyệt, phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2020 đã đề ra.

2. Kết quả thực hiện Đề án

a) Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn

- Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn: Hiện nay, tỉnh Quảng Nam đang chỉ đạo triển khai thực hiện tiêu chí thôn NTM ở 102 thôn, gồm: 40 thôn trong phạm vi Đề án và 62 thôn ngoài phạm vi Đề án. Đối với 40 thôn trong phạm vi Đề án, bắt đầu từ cuối năm 2018, các địa phương đã khảo sát, đánh giá thực trạng, xây dựng và phê duyệt Kế hoạch thực hiện các tiêu chí thôn NTM trong năm 2019, hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện; tính đến tháng 3/2020, bình quân chung số tiêu chí thôn NTM đạt chuẩn của các thôn là 9,35 tiêu chí/thôn (*tăng 2,83 tiêu chí/thôn so với thời điểm trước khi triển khai Đề án*), cụ thể: Xã Bình Nam là 9,5 tiêu chí/thôn, xã Tam Hải là 13,29 tiêu chí/thôn, xã Trhy là

8,17 tiêu chí/thôn, xã Chơm là 9,57 tiêu chí/thôn, xã Chơ Chun là 8,00 tiêu chí/thôn, xã La Êê là 7,67 tiêu chí/thôn, xã Đắc Pre là 8,0 tiêu chí/thôn và Đắc Pring là 7,25 tiêu chí/thôn. Đến nay, Quảng Nam chưa công nhận thôn đạt chuẩn NTM. Ước đến cuối năm 2020 sẽ có ít nhất **20 thôn đạt chuẩn thôn NTM**, đạt mục tiêu Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018.

- Kết quả các xã đặc biệt khó khăn thuộc phạm vi Đề án vươn lên đạt chuẩn NTM được công nhận: Đến tháng 3/2020, tỉnh Quảng Nam chưa có xã nằm trong phạm vi Đề án thôn khó khăn vươn lên đạt chuẩn xã NTM, do hầu hết các xã này nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Phấn đấu đến cuối năm 2020, có 01 xã đạt chuẩn NTM (*xã đảo Tam Hải*), 01 xã đạt trên 15 tiêu chí hướng đến phấn đấu đạt chuẩn xã NTM vào năm 2022 (*xã Bình Nam*), 06 xã còn lại (*Tr'hy, Ch'om; Chơ Chun, La Êê, Đắc Pre, Đắc Pring*) phấn đấu đạt trên 10 tiêu chí.

b) Những kết quả nổi bật trong xây dựng thôn, bản, ấp đạt chuẩn NTM

Qua hơn 01 năm triển khai thực hiện Đề án, nhận thức của người dân thuộc phạm vi Đề án đã được nâng lên. Đây là điều đáng mừng vì chủ trương xây dựng NTM hợp lòng dân; đồng thời, qua đây cho thấy người dân đã nhận thức rất rõ về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới là mang lại lợi ích thiết thực cho đời sống người dân ở vùng miền núi, bước đầu người dân đã thể hiện được vai trò chủ thể trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, với sự hỗ trợ nguồn lực từ Đề án, cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa thôn, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, công trình cấp nước sinh hoạt,... ở các thôn ngày càng hoàn thiện, từng bước hạn chế thấp nhất mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trong chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của người dân trên địa bàn. Đối với xã miền núi, việc lựa chọn tiêu chí thôn NTM để thực hiện nhằm giúp cho các xã đặc biệt khó khăn giảm bớt qui mô đầu tư dàn trải, qua đó giảm dần khoảng cách chênh lệch giữa khu vực miền núi và khu vực đồng bằng trong thực hiện Chương trình NTM, tạo tiền đề để xã miền núi cao phấn đấu đạt chuẩn NTM sau năm 2020.

c) Kết quả huy động nguồn lực đầu tư thực hiện Đề án thôn khó khăn

Tổng vốn huy động ở các xã thuộc Đề án thôn khó khăn (*đến tháng 02/2020*): 192.900 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách Nhà nước: 122.300 triệu đồng. Trong đó:
 - + *Vốn ngân sách trung ương: 50.700 triệu đồng*
 - + *Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 71.600 triệu đồng*
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn: 45.000 triệu đồng.
- Vốn tín dụng: 24.000 triệu đồng.

- Các nguồn lực huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân và các tổ chức quốc tế hỗ trợ (nếu có): 1.600 triệu đồng.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã hỗ trợ ngân sách tỉnh (31 tỷ đồng) cho 62 thôn ở xã khu vực miền núi cao, bãi ngang ven biển ngoài phạm vi Đề án thôn khó khăn để các địa phương triển khai thực hiện và nhân rộng thôn đạt chuẩn NTM sau năm 2020.

3. Đánh giá chung

a) Những mặt được

Với sự tập trung lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội từ tỉnh đến cơ sở, việc thực hiện Đề án đã đạt được những kết quả ban đầu. Tất cả các thôn trong phạm vi Đề án đã phê duyệt kế hoạch thực hiện, tạo được chuyển biến rõ nét trong nhận thức của người dân, việc xây dựng kế hoạch thực hiện của từng thôn có sự tham gia của cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư trong việc xây dựng nông thôn mới, người dân biết được mục đích, ý nghĩa, quyền lợi của Đề án mang lại từ đó tích cực tham gia đóng góp cùng chính quyền để thực hiện.

Các giải pháp đưa ra trong Đề án làm cơ sở cho việc lồng ghép các chương trình, chính sách, dự án đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tập trung giải quyết các yêu cầu bức xúc, thiết thực, đẩy nhanh tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi; tập trung chăm lo giáo dục - đào tạo, tăng cường chăm sóc sức khỏe; từ đó đã từng bước nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho người dân.

b) Những hạn chế, bất cập

- Thời gian thực hiện Đề án không nhiều, chỉ hơn 01 năm (ngày 21/10/2018, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 1385/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án thôn khó khăn), không đủ thời gian để triển khai hết các nội dung trong Đề án;

- Nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh còn hạn chế, trong khi đó nhu cầu kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, trường học, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh...) ở các thôn, xã thuộc khu vực này là rất lớn, do hầu hết đều ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, địa hình đồi núi phức tạp, suất đầu tư rất lớn. Hiện nay, trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh còn 60 trạm y tế xã chưa đầu tư được kiên cố; 60 xã chưa có nhà văn hóa kiên cố; 93 xã chưa có chợ nông thôn; 642 phòng học thuộc các trường chưa được kiên cố; giao thông đường trục thôn, xã còn nhiều khó khăn; tỉnh Quảng Nam còn 06 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a, 63 xã khu vực III và 48 thôn đặc biệt khó khăn thuộc 47 xã khu vực II và 12 xã khu vực I còn nghèo, đang thụ hưởng các chương trình, chính sách của Trung ương.

- Việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, sản xuất còn lúng túng, chưa có hiệu quả cao; một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa tích cực làm ăn, chủ

động thoát nghèo, còn trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Chưa có mô hình sản xuất bao tiêu sản phẩm do điều kiện địa hình đồi núi, cách trở nên rất ít doanh nghiệp hoạt động ở khu vực này; sản phẩm nông nghiệp mang tính tự cung, tự cấp là chủ yếu...

- Trình độ dân trí của người dân tại địa bàn các xã còn thấp, năng lực của cán bộ cơ sở còn hạn chế; không có phụ cấp kiêm nhiệm cho các cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các xã, thôn nên cũng khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Việc bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa, làng nghề truyền thống... của một số dân tộc ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức; những tập tục lạc hậu, tệ nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; cầu cúng khi đau ốm; cúng lúa mới, bỏ làng đi khi có chuyện xấu xảy ra... chưa được loại bỏ.

c) Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường vai trò, trách nhiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, nhất là già làng, trưởng bản là yếu tố quyết định đối với việc ổn định chính trị, giữ vững đoàn kết các dân tộc; thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hai là, các cấp chính quyền cần cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách Nhà Nước thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với từng lĩnh vực, điều kiện của địa phương; kiên quyết trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ đó tạo sự chuyển biến và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ba là, đẩy mạnh phân cấp, phân nhiệm trong tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, tham mưu của các cấp, ngành và địa phương; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng và người dân tham gia ngay từ việc khảo sát, lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện để mang lại hiệu quả cao hơn.

Bốn là, chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự nhận thức, đồng thuận, ý chí của các dân tộc và người dân trong việc nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch để cộng đồng và người dân được bàn bạc, quyết định và đóng góp công sức trong quá trình tổ chức thực hiện.

Năm là, việc xây dựng và đề ra chủ trương, chính sách cũng như tổ chức triển khai thực hiện phải sát với tình hình thực tiễn, phù hợp với từng vùng miền, dân tộc; thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời.

III. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đối với các thôn còn lại và nhân rộng ra tất cả các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi cao trên địa bàn toàn tỉnh, nhằm hướng đến tạo ra các thôn có kinh tế hộ phát triển; có mô hình sản xuất, kinh doanh và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; có cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp; an ninh trật tự được bảo đảm; hạn chế thấp nhất mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản trong chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của người dân trên địa bàn, qua đó giảm dần khoảng cách chênh lệch giữa khu vực miền núi và khu vực đồng bằng trong thực hiện Chương trình NTM, tạo tiền đề để các xã miền núi cao phấn đấu đạt chuẩn xã NTM khi đủ điều kiện.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu 100% số thôn thuộc các xã trong phạm vi Đề án đạt chuẩn thôn NTM.

- Phấn đấu ít nhất 50% số thôn của các xã đặc biệt khó khăn khu vực miền núi ngoài phạm vi Đề án đạt chuẩn thôn NTM.

- Bình quân chung số tiêu chí NTM của các xã miền núi cao đạt từ 12-15 tiêu chí/xã.

3. Nội dung, giải pháp thực hiện

a) Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú theo hướng chuyên đề, chuyên sâu nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân; trong đó tiếp tục quán triệt nội dung Đề án đến tất cả cán bộ, đảng viên, các tổ chức, đơn vị và toàn thể nhân dân các xã miền núi tham gia thực hiện Đề án là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong giai đoạn 2021-2025 của địa phương.

- Huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội cùng vào cuộc, phát huy vai trò người đứng đầu, trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng bản để cùng người dân tích cực tham gia xây dựng NTM nói chung và thực hiện Đề án nói riêng; phát động rộng rãi phong trào thi đua xây dựng thôn NTM mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa rộng, làm thay đổi nhận thức người dân miền núi cùng chung sức xây dựng NTM.

b) Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất đẩy mạnh giảm nghèo nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh

- Triển khai, quán triệt tạo nhận thức nhất quán và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Tạo thuận lợi, khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp liên kết hợp tác về sản xuất, tiêu thụ nông sản, giải quyết việc làm, tăng thu nhập bền vững cho người dân miền núi. Xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, như: Tổ hợp

tác, HTX phù hợp với yêu cầu, trình độ sản xuất của nông dân, trình độ quản lý của cán bộ, nhằm hợp tác, liên kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất.

c) Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tranh thủ các nguồn lực đầu tư, phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phấn đấu đạt các chỉ tiêu Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025 đã đề ra. Trong đó, tập trung sắp xếp dân cư gắn với đất sản xuất của người dân và theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các thôn, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông nông thôn tạo sự liên kết địa bàn dân cư, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của người dân được đồng bộ.

- Lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn miền núi với Đề án thôn khó khăn, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, không chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Khóa 14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, để đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng miền núi cao.

d) Chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tiếp tục đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; trước hết, bố trí nguồn lực nâng cấp, xây dựng các trường mầm non, trường phổ thông được kiên cố hóa, tiến đến đạt chuẩn quốc gia ở các địa bàn dân tộc thiểu số và miền núi; không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học; thực hiện đúng, chặt chẽ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đối với các trường dân tộc nội trú, bán trú và học sinh dân tộc thiểu số.

- Các cấp, các ngành tiếp tục tuyên truyền, vận động và kêu gọi toàn xã hội quan tâm, hưởng ứng tinh thần học tập suốt đời; tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng việc đào tạo nghề, bồi dưỡng, tập huấn theo các chương trình, dự án để cập nhật kiến thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đảm bảo về số lượng, chất lượng, đạt mục tiêu và đạt chuẩn vào năm 2024 theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/12/2014 của Tỉnh ủy Quảng Nam về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

đ) Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tranh thủ các nguồn lực đầu tư, nâng cấp, kiên cố hóa và chuẩn hóa các trạm y tế xã hiện nay đang xuống cấp; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh cho người dân ở tuyến cơ sở; tuyên truyền, vận động người dân có ý thức, trách nhiệm trong việc rèn luyện, giữ gìn, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng dân tộc thiểu số; nhất là bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em; ngăn chặn tình trạng hôn nhân cận huyết thống và ngăn ngừa tảo hôn.

- Tạo điều kiện và đầu tư, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số bảo tồn, phát huy bản sắc các giá trị văn hóa truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể tốt đẹp; đồng thời, bài trừ các hủ tục lạc hậu, chậm tiến bộ trong cộng đồng các dân tộc thiểu số để phát triển ngày càng văn minh.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, xây dựng các trung tâm văn hóa, nhà sinh hoạt truyền thống, các thiết chế văn hóa cơ sở; đồng thời, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, lễ hội để nâng cao đời sống tinh thần cho người dân; qua đó phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của các dân tộc, đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

e) Không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị cơ sở, tham gia giữ vững an ninh - quốc phòng vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở thật sự trong sạch vững mạnh, tạo chỗ dựa và niềm tin cho nhân dân. Các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm thu hút, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia các phong trào, công tác giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới có hiệu quả thiết thực.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý - điều hành của chính quyền, vai trò tuyên truyền, vận động, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, vai trò giám sát, làm chủ của nhân dân.

- Tăng cường củng cố lực lượng, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, xây dựng vững chắc vùng biên giới; phát huy vai trò, trách nhiệm của người có uy tín, già làng, trưởng bản, các chức sắc, thầy cúng trong việc tuyên truyền, vận động, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn phát triển bản sắc văn hóa miền núi.

4. Nhu cầu nguồn lực thực hiện

Tổng nhu cầu ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Đề án trong giai đoạn 2021-2025: **906.250 triệu đồng** (*Chín trăm lẻ sáu tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*). Trong đó:

- Các thôn trong phạm vi Đề án: 70.000 triệu đồng; gồm:

- + Các thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2018-2020 để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn NTM: 20 thôn x 1.000 triệu đồng/thôn/5năm = 20.000 triệu đồng (*bình quân 200 triệu đồng/thôn/năm*);

+ Các thôn chưa đạt chuẩn thôn NTM trong giai đoạn 2018-2020, tiếp tục thực hiện đạt chuẩn thôn NTM giai đoạn 2021-2025: 20 thôn x 2.500 triệu đồng/thôn/5năm = 50.000 triệu đồng (*bình quân 500 triệu đồng/thôn/năm*)

- Các thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, miền núi cao ngoài phạm vi Đề án: 223 thôn x 3.750 triệu đồng/thôn/5năm = 836.250 triệu đồng (*bình quân 750 triệu đồng/thôn/năm*).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Trung ương xem xét tiếp tục thực hiện Đề án thôn khó khăn giai đoạn 2021-2025, trong đó cần chỉ đạo thực hiện ở 100% các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quan tâm hỗ trợ nguồn lực từ ngân sách trung ương để thực hiện Đề án, trong đó cần xem xét có cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương bình quân cho mỗi thôn khoảng 3.750 triệu đồng/thôn/5năm (*bình quân mỗi năm 750 triệu đồng/thôn, gấp 3 lần mức hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn của Chương trình 135, để các thôn có điều kiện thực hiện, góp phần giảm chênh lệch khi xây dựng NTM so với đồng bằng*).

2. Kính đề nghị Trung ương rà soát ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, không gắn với tiêu chí nghèo hoặc cận nghèo để người dân yên tâm lao động, sản xuất, thoát nghèo bền vững; từng bước xóa bỏ tư tưởng thoát nghèo là bị “mất” chính sách hoặc xin vào hộ nghèo để hưởng chính sách; rà soát, bãi bỏ các chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, bổ sung nguồn lực để thực hiện các chính sách đầu tư hạ tầng thiết yếu, hạ tầng sản xuất, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, góp phần tạo sinh kế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

3. Kính đề nghị Trung ương tăng cường hơn nữa các chính sách thu hút, đãi ngộ để phát triển nguồn nhân lực y tế, giáo dục có chất lượng cho các huyện miền núi cao. Có cơ chế để Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư hệ thống điện lưới quốc gia cho các thôn ở xã miền núi cao, xã biên giới chưa có điện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Nam kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện: Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Đông Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN (Tâm).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

